

**CÔNG TY TNHH NAM MINH KINH BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NAM MINH KINH BẮC  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301274110

**3. Ngày thành lập:** 01/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Giang Liễu, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0378304962

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                  | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                             | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                              | 4649(Chính) |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                             | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                              | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                 | 4659        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                    | 8220        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                       | 8230        |
| 11. | Dịch vụ đóng gói                                                                | 8292        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu         | 8299        |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                       | 9511        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                      | 9512        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                    | 9521        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                             | 9522        |
| 17. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                           | 9523        |
| 18. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                           | 9524        |
| 19. | Lập trình máy vi tính                                                           | 6201        |
| 20. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                             | 6202        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính | 6209        |
| 22. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                              | 6311        |

|     |                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Cổng thông tin                                                                                | 6312 |
| 24. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                 | 6399 |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                | 7410 |
| 26. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                           | 7420 |
| 27. | In ấn                                                                                         | 1811 |
| 28. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                      | 1812 |
| 29. | Sao chép bản ghi các loại                                                                     | 1820 |
| 30. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                | 2022 |
| 31. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                    | 2610 |
| 32. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                     | 2620 |
| 33. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                | 2630 |
| 34. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                            | 2640 |
| 35. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                           | 4784 |
| 37. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                       | 4791 |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                | 4933 |
| 39. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                     | 5011 |
| 40. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                   | 5210 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                           | 5229 |
| 42. | Bưu chính                                                                                     | 5310 |
| 43. | Chuyển phát                                                                                   | 5320 |
| 44. | Xuất bản sách                                                                                 | 5811 |
| 45. | Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ                                                      | 5812 |
| 46. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ                                                  | 5813 |
| 47. | Hoạt động xuất bản khác                                                                       | 5819 |
| 48. | Xuất bản phần mềm                                                                             | 5820 |
| 49. | Hoạt động viễn thông khác                                                                     | 6190 |
| 50. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                | 7730 |
| 51. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm         | 7810 |
| 52. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                    | 7820 |
| 53. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                            | 7830 |
| 54. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                       | 8110 |
| 55. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                         | 8121 |
| 56. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                             | 8129 |
| 57. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                         | 8130 |
| 58. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                         | 8211 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 59. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219 |
| 60. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 61. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 62. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 63. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 64. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 65. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315 |
| 66. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 67. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 68. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 69. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 70. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRỊNH THỊ PHÚC

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027191004899

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát và quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Y na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Y na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRỊNH THỊ PHÚC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027191004899

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát và quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Y na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Y na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh